

## Đề thi Giữa kì 1 Toán lớp 5

(Bộ sách: Cánh diều)

### I. Phần trắc nghiệm. (3 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

**Câu 1.** Số “Bảy mươi năm phẩy một trăm ba mươi hai” được viết là: **(0,5 điểm)**

A. 75,132

B. 75,123

C. 75,213

D. 75,321

**Câu 2.** Số thập phân tương ứng với phần tô màu trong hình vẽ dưới đây là: **(0,5 điểm)**



A. 4,6

B. 6,4

C. 0,4

D. 0,6

**Câu 3.** Trong các số thập phân dưới đây, số lớn nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 80,84

B. 80,804

C. 81,04

D. 81,104

**Câu 4.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 24 m, chiều rộng bằng  $\frac{1}{3}$  chiều dài. Tính diện tích mảnh đất đó. **(0,5 điểm)**

A. 15 m<sup>2</sup>

B. 432 m<sup>2</sup>

C. 105 m<sup>2</sup>

D. 28 m<sup>2</sup>

**Câu 5.** Trong các số đo dưới đây, số đo bé nhất là: **(0,5 điểm)**

A. 470 000 m<sup>2</sup>

B. 22 ha

C. 68 km<sup>2</sup>

D. 1 km<sup>2</sup>

**Câu 6.** Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 1 km, chiều rộng là 1 200 m. Hỏi diện tích khu vườn đó bằng bao nhiêu héc-ta? **(0,5 điểm)**

A. 240 ha

B. 2 400 ha

C. 120 ha

D. 24 ha

## II. Phần tự luận. (7 điểm)

**Bài 1:** Đọc các số thập phân sau: (1 điểm)

a) 8,29: .....

b) 3,018: .....

c) 24,24: .....

d) 231,01: .....

**Bài 2.** Viết tiếp vào chỗ trống cho thích hợp. (1 điểm)

Cho biết thời gian chạy 100 m của các bạn như sau:

Tên các bạn	Thủy	Nam	Hoàng	Ngọc
Thời gian chạy	15,5 giây	11,55 giây	10,45 giây	13,48 giây

a) Bạn ..... chạy nhanh nhất, bạn ..... chạy chậm nhất.

b) Tên các bạn viết theo thứ tự từ chạy nhanh nhất đến chạy chậm nhất là:

.....

**Bài 3.** Viết số thích hợp vào ô trống (2 điểm)

a) Tổng hai số là 456, số lớn gấp 5 lần số bé

Vậy: Số bé là ....., số lớn là .....

**b)** Hiệu hai số là 95, số bé bằng số lớn

Vậy: Số bé là ....., số lớn là .....

**Bài 4.** Điền dấu thích hợp (>, <, =) vào chỗ chấm **(1 điểm)**

**a)** 0,032 ha .... 3 200 m<sup>2</sup>

**b)** 2 ha 9 m<sup>2</sup> .... 2 900 m<sup>2</sup>

**Bài 5.** Điền một hoặc nhiều số tự nhiên vào chỗ chấm: **(1 điểm)**

**a)** 3,8 < ..... < 5,007

**b)** 35,63 < ..... < 36,03

**Bài 6.** Viết số thích hợp vào chỗ chấm: **(1 điểm)**

Một hình vuông có độ dài cạnh là 57 cm. Diện tích hình vuông đó là ..... dm<sup>2</sup>